

Phụ đính 3
VẬT TƯ HOÀN THIỆN CỦA CĂN HỘ TÒA NHÀ CHUNG CƯ – CĂN HỘ
Annex 3
FINISHING MATERIALS OF APARTMENT BUILDING – 2BR-3BR UNIT

SẢNH/ ENTRANCE		
Chi tiết/ Details	Mô tả/ Description	Nhà cung cấp/ Supplier
Cửa chính/ Main Door	Cửa gỗ MDF chống cháy, chống ẩm hoàn thiện Laminate <i>Fire-rated and Moisture-resistant MDF Laminate wooden door</i>	American Door hoặc tương đương. <i>American Door or Equivalent supplier.</i>
Khóa cửa/ Door lock	Khóa điện tử/ Electric door	Hafele hoặc tương đương. <i>Hafele or Equivalent supplier</i>
Sàn/ Floor	Gạch men/ Porcelain tiles	Emerald hoặc tương đương. <i>Emerald or Equivalent supplier.</i>
Tường/ Wall	Sơn hoàn thiện nội thất/ Finished interior painting	Nippon Paint hoặc tương đương. <i>Nippon Paint or Equivalent supplier.</i>
Chân tường/ Skirting	Gạch men/ Porcelain tiles	Emerald hoặc tương đương. <i>Emerald or Equivalent supplier.</i>
Trần/ Ceiling	Tấm thạch cao/ Gypsum Board	Vinh Tuong hoặc tương đương. <i>Vinh Tuong or Equivalent supplier.</i>
	Sơn hoàn thiện nội thất/ Finished interior painting	Nippon Paint hoặc tương đương. <i>Nippon Paint or Equivalent supplier.</i>
Thiết bị điện/ Electrical equipment	Công tắc, Ổ cắm (nếu có) <i>Switches. Socket (if applicable)</i>	Panasonic (Moderva) hoặc tương đương. <i>Panasonic (Moderva) or Equivalent supplier.</i>
	Đèn gắn trần (nếu có) <i>Ceiling downlight if applicable</i>	Olympia hoặc tương đương. <i>Olympia or Equivalent supplier.</i>
	Chuông cửa (mặt trước cửa) <i>Doorbell (Front door)</i>	Nhà cung cấp địa phương <i>Local Supplier.</i>
PHÒNG BẾP/ KITCHEN		
Chi tiết/ Details	Mô tả/ Description	Nhà cung cấp/ Supplier
Sàn/ Floor	Gạch men/ Porcelain tiles	Emerald hoặc tương đương. <i>Emerald or Equivalent supplier.</i>
Tường/ Wall	Sơn hoàn thiện nội thất/ Finished interior painting	Nippon Paint hoặc tương đương. <i>Nippon Paint or Equivalent supplier.</i>
Chân tường/ Skirting	Gạch men/ Porcelain tiles	Emerald hoặc tương đương. <i>Emerald or Equivalent supplier.</i>
Trần/ Ceiling	Tấm thạch cao/ Gypsum Board	Vinh Tuong hoặc tương đương. <i>Vinh Tuong or Equivalent supplier.</i>
	Sơn hoàn thiện nội thất/ Finished interior painting	Nippon Paint hoặc tương đương. <i>Nippon Paint or Equivalent supplier.</i>
Tủ/ Cabinet	Tủ bếp trên và tủ bếp dưới <i>Wall and Base cabinets</i>	Provided. <i>Bàn giao.</i>
	Mặt đá <i>Stone-surfaced countertop</i>	Provided. <i>Bàn giao.</i>

Thiết bị điện <i>Electrical equipment</i>	Công tắc, Ổ cắm (nếu có) <i>Switches. Socket (if applicable)</i>	Panasonic (Moderva) hoặc tương đương. <i>Panasonic (Moderva) or Equivalent supplier.</i>
	Đèn gắn trần <i>Ceiling downlight</i>	Olympia hoặc tương đương. <i>Olympia or Equivalent supplier.</i>
Thiết bị phụ kiện <i>Wares and fittings</i>	Bồn rửa và vòi <i>Sink and faucet</i>	Provided. <i>Bàn giao.</i>
Thiết bị bếp <i>Appliances</i>	Bếp từ, máy hút mùi <i>Cooktop, Cooker hood</i>	Provided. <i>Bàn giao.</i>
PHÒNG KHÁCH & PHÒNG ĂN/ <i>LIVING ROOM & DINING ROOM</i>		
<u>Chi tiết/ Details</u>	<u>Mô tả/ Description</u>	<u>Nhà cung cấp/ Supplier</u>
Sàn/ <i>Floor</i>	Gạch men Porcelain tiles	Emerald hoặc tương đương. <i>Emerald or Equivalent supplier.</i>
Tường/ <i>Wall</i>	Sơn hoàn thiện nội thất/ <i>Finished interior painting</i>	Nippon Paint hoặc tương đương. <i>Nippon Paint or Equivalent supplier.</i>
Chân tường/ <i>Skirting</i>	Gạch men/ <i>Porcelain tiles</i>	Emerald hoặc tương đương. <i>Emerald or Equivalent supplier.</i>
Trần/ <i>Ceiling.</i>	Tấm thạch cao/ <i>Gypsum Board</i>	Vĩnh Tường hoặc tương đương. <i>Vinh Tuong or Equivalent supplier.</i>
	Sơn hoàn thiện nội thất/ <i>Finished interior painting</i>	Nippon Paint hoặc tương đương. <i>Nippon Paint or Equivalent supplier.</i>
Thiết bị điện/ <i>Electrical equipment.</i>	Công tắc, Ổ cắm <i>Switches. Socket</i>	Panasonic (Moderva) hoặc tương đương. <i>Panasonic (Moderva) or Equivalent supplier.</i>
	Đèn gắn trần <i>Ceiling downlight</i>	Olympia hoặc tương đương. <i>Olympia or Equivalent supplier.</i>
Thiết bị an ninh/điện thoại video <i>Security/ Video Phone equipment</i>	Hệ thống điện thoại video <i>Video phone system</i>	Aiphone hoặc tương đương. <i>Aiphone or Equivalent supplier.</i>
Hệ thống điều hòa không khí và thông gió <i>ACMV</i>	Điều hòa được lắp đặt bởi khách hàng <i>Air Conditioner to be equipped by the customer</i>	
	Bao gồm đường ống đồng và ống nước ngưng <i>Copper and Condensate pipes included</i>	
BAN CÔNG, LÔ GIA/ <i>BALCONY, LOGGIA</i>		
<u>Chi tiết/ Details</u>	<u>Mô tả/ Description</u>	<u>Nhà cung cấp/ Supplier</u>
Cửa ra ban công <i>Balcony door</i>	Cửa nhôm kính <i>Aluminum glass door</i>	Eurowindow/ SaigonDad hoặc tương đương. <i>Eurowindow/ SaigonDad or Equivalent supplier.</i>
	Kính Low-E <i>Low-E Glass</i>	VIFG hoặc tương đương. <i>VIFG or Equivalent supplier.</i>
Sàn/ <i>Floor</i>	Gạch men/ <i>Porcelain tiles</i>	Emerald hoặc tương đương. <i>Emerald or Equivalent supplier.</i>
Tường/ <i>Wall</i>	Sơn hoàn thiện ngoại thất <i>Finished exterior painting</i>	Nippon Paint hoặc tương đương. <i>Nippon Paint or Equivalent supplier.</i>
Chân tường/ <i>Skirting.</i>	Gạch men/ <i>Porcelain tiles.</i>	Emerald hoặc tương đương. <i>Emerald or Equivalent supplier.</i>

Trần/ Ceiling.	Tấm xi măng sợi <i>Fiber Cement board</i>	Vĩnh Tường hoặc tương đương. <i>Vinh Tuong or Equivalent supplier.</i>
	Sơn hoàn thiện ngoại thất vân gỗ <i>Finished exterior painting with wooden patterns</i>	Terraco hoặc tương đương. <i>Terraco or Equivalent supplier.</i>
Lan can <i>Handrail</i>	Lan can thép <i>Steel handrail</i>	Nhà cung cấp địa phương <i>Local Supplier.</i>
Thiết bị điện <i>Electrical equipment</i>	Đèn gắn trần <i>Ceiling downlight</i>	Olympia hoặc tương đương. <i>Olympia or Equivalent supplier.</i>
Hệ thống cấp nước <i>Water supply</i>	Vòi nước <i>Tap</i>	Grohe hoặc tương đương. <i>Grohe or Equivalent supplier.</i>
LÔ GIA KỸ THUẬT/ UTILITY LOGGIA		
<u>Chi tiết/ Details</u>	<u>Mô tả/ Description</u>	<u>Nhà cung cấp/ Supplier</u>
Cửa loggia <i>Loggia door</i>	Cửa nhôm kính nếu có <i>Aluminum glass door if applicable</i>	Eurowindow/ SaigonDad hoặc tương đương. <i>Eurowindow/ SaigonDad or Equivalent supplier.</i>
	Kính Low-E nếu có <i>Low-E Glass if applicable</i>	VIFG hoặc tương đương. <i>VIFG or Equivalent supplier.</i>
Sàn/ Floor	Gạch men/ Porcelain tiles	Emerald hoặc tương đương. <i>Emerald or Equivalent supplier.</i>
Tường/ Wall	Sơn hoàn thiện ngoại thất <i>Finished exterior painting</i>	Nippon Paint hoặc tương đương. <i>Nippon Paint or Equivalent supplier.</i>
Chân tường/ Skirting.	Gạch men/ Porcelain tiles.	Emerald hoặc tương đương. <i>Emerald or Equivalent supplier.</i>
Trần/ Ceiling.	Sơn hoàn thiện ngoại thất <i>Finished exterior painting</i>	Nippon Paint hoặc tương đương. <i>Nippon Paint or Equivalent supplier.</i>
Thanh treo quần áo <i>Clothes hanger</i>	Treo từ trần loggia <i>Hanging from loggia ceiling</i>	Hòa Phát hoặc tương đương. <i>Hoa Phat or Equivalent supplier.</i>
Cửa gió <i>Louver</i>	Cửa gió khung thép <i>Steel frame louvers</i>	Nhà cung cấp địa phương <i>Local Supplier.</i>
Thiết bị điện <i>Electrical equipment</i>	Đèn gắn trần <i>Ceiling downlight</i>	Olympia hoặc tương đương. <i>Olympia or Equivalent supplier.</i>
	Công tắc, ổ cắm nếu có <i>Switch, Socket if applicable</i>	Panasonic (Moderva) hoặc tương đương. <i>Panasonic (Moderva) or Equivalent supplier.</i>
Hệ thống cấp nước <i>Water supply</i>	Điểm chờ kết nối máy giặt <i>Waiting point for washing machine's connection</i>	
	Vòi nước <i>Tap</i>	Grohe hoặc tương đương. <i>Grohe or Equivalent supplier.</i>
Hệ thống điều hòa không khí và thông gió <i>ACMV</i>	Điều hòa được lắp đặt bởi khách hàng <i>Air Conditioner to be equipped by the customer</i>	
	Bao gồm đường ống đồng và ống nước ngưng <i>Copper and Condensate pipes included</i>	

<u>PHÒNG TẮM/ BATHROOM</u>		
<u>Chi tiết/ Details</u>	<u>Mô tả/ Description</u>	<u>Nhà cung cấp/ Supplier</u>
Cửa phòng tắm <i>Bathroom Door</i>	Cửa gỗ chống thấm hoàn thiện Laminate <i>Finished water-proof Laminate wooden door</i>	American Door hoặc tương đương. <i>American Door or Equivalent supplier.</i>
	Phụ kiện cửa <i>Hardwares</i>	Kawajun and Hafele hoặc tương đương. <i>Kawajun and Hafele or Equivalent supplier.</i>
Sàn/ <i>Floor</i>	Gạch men/ <i>Porcelain tiles</i>	Emerald hoặc tương đương. <i>Emerald or Equivalent supplier.</i>
Tường/ <i>Wall</i>	Gạch men/ <i>Porcelain tiles</i>	Emerald hoặc tương đương. <i>Emerald or Equivalent supplier.</i>
	Thạch cao chống ẩm <i>Moisture-resistant Gypsum board</i>	Vĩnh Tường hoặc tương đương. <i>Vinh Tuong or Equivalent supplier.</i>
Trần/ <i>Ceiling</i>	Sơn hoàn thiện nội thất <i>Finished interior painting</i>	Nippon Paint hoặc tương đương. <i>Nippon Paint or Equivalent supplier.</i>
Không gian tắm <i>Shower space</i>	Kính cường lực <i>Tempered glass</i>	VIFG hoặc tương đương. <i>VIFG or Equivalent supplier.</i>
	Phụ kiện vách kính <i>Shower accessories</i>	Lawrence hoặc tương đương. <i>Lawrence or Equivalent supplier.</i>
Thiết bị vệ sinh & phụ kiện <i>Sanitary Wares & Fittings</i>	Bồn cầu <i>Toilet</i>	Grohe hoặc tương đương. <i>Grohe or Equivalent supplier.</i>
	Chậu rửa và vòi <i>Sink and Faucet</i>	
	Bộ sen tắm <i>Shower set</i>	
	Thanh treo khăn <i>Towel hanger</i>	
	Hộp giấy vệ sinh <i>Paper holder</i>	
	Bồn tắm (dành cho căn hộ 3 Phòng ngủ) <i>Bathub (for 3BR units ONLY)</i>	Grohe hoặc tương đương. <i>Grohe or Equivalent supplier.</i>
Mặt tủ lắp chậu rửa <i>Vanity countertop</i>	Đá granite <i>Granite stone</i>	Pado Stone/ Indochina Stone hoặc tương đương. <i>Pado Stone/ Indochina Stone or Equivalent supplier.</i>
Tủ <i>Cabinet</i>	Tủ gương, tủ trang điểm <i>Mirror cabinet, Dressing cabinet</i> MDF chống ẩm hoàn thiện Laminate. <i>Moisture-resistant MDF Laminate</i>	Polytec/ An Cường hoặc tương đương. <i>Polytec/ An Cuong or Equivalent supplier.</i>
Thiết bị điện <i>Electrical equipment</i>	Công tắc, ổ cắm nếu có <i>Switches, Sockets. where applicable</i>	Panasonic (Moderva) hoặc tương đương. <i>Panasonic (Moderva) or Equivalent supplier.</i>
	Đèn gắn trần <i>Ceiling downlight</i>	Olympia hoặc tương đương. <i>Olympia or Equivalent supplier.</i>

Bình nóng lạnh <i>Water heater</i>	Cung cấp đến vòi sen, chậu rửa mặt, vòi rửa bát, bồn tắm (dành cho căn hộ 3 Phòng ngủ) <i>Supply for bathroom shower, Lavatory, faucet, Bathtub (for 3BR units ONLY)</i>	Ferrolli hoặc tương đương. <i>Ferrolli or Equivalent supplier.</i>
PHÒNG NGỦ/ <i>BEDROOM</i>		
<u>Chi tiết/ <i>Details</i></u>	<u>Mô tả/ <i>Description</i></u>	<u>Nhà cung cấp/ <i>Supplier</i></u>
Cửa <i>Door</i>	Cửa gỗ MDF chống ẩm hoàn thiện Laminate. <i>Finished moisture-resistant MDF Laminate wooden door</i>	American Door hoặc tương đương. <i>American Door or Equivalent supplier.</i>
	Phụ kiện cửa <i>Hardwares</i>	Kawajun and Hafele hoặc tương đương. <i>Kawajun and Hafele or Equivalent supplier.</i>
Cửa sổ (nếu có) <i>Window (if applicable)</i>	Cửa nhôm kính <i>Aluminum window frame</i>	Eurowindow/ SaigonDad hoặc tương đương. <i>Eurowindow/ SaigonDad or Equivalent supplier.</i>
	Kính Low-E <i>Low-E Glass</i>	VIFG hoặc tương đương. <i>VIFG or Equivalent supplier.</i>
Sàn/ <i>Floor</i>	Sàn gỗ công nghiệp <i>Laminated wooden Floor</i>	Pergo hoặc tương đương. <i>Pergo or Equivalent supplier.</i>
Tường/ <i>Wall</i>	Sơn hoàn thiện nội thất <i>Finished interior painting</i>	Nippon Paint hoặc tương đương. <i>Nippon Paint or Equivalent supplier.</i>
Chân tường/ <i>Skirting</i>	Gỗ công nghiệp <i>Laminated wood</i>	Pergo hoặc tương đương. <i>Pergo or Equivalent supplier.</i>
Trần/ <i>Ceiling</i>	Tấm thạch cao <i>Gypsum Board</i>	Vĩnh Tường hoặc tương đương. <i>Vinh Tuong or Equivalent supplier.</i>
	Sơn hoàn thiện nội thất <i>Finished interior painting</i>	Nippon Paint hoặc tương đương. <i>Nippon Paint or Equivalent supplier.</i>
Thiết bị điện <i>Electrical equipment</i>	Công tắc. Ổ cắm <i>Switches. Socket</i>	Panasonic (Moderva) hoặc tương đương. <i>Panasonic (Moderva) or Equivalent supplier.</i>
	Điểm chờ cho đèn gắn trần <i>Waiting point for Ceiling downlight</i>	
Hệ thống điều hòa không khí và thông gió <i>ACMV</i>	Điều hòa được lắp đặt bởi khách hàng <i>Air Conditioner to be equipped by the customer</i>	
	Bao gồm đường ống đồng và ống nước ngưng <i>Copper and Condensate pipes included</i>	

Notes: Trong quá trình thi công, vật tư có khả năng thay đổi với chất lượng tương đương /
Materials used during construction phase can be changed with other materials with equivalent quality.